

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày: 20-02-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản, vay tài sản, yêu cầu  
hủy bỏ hợp đồng giao khoán và trả  
sản lượng nhận khoán.”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Ngọc Bình

Ông Dư Thành Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, vay tài sản, yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giao khoán và trả sản lượng nhận khoán”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2022/QĐ-PT ngày 05-12-2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 92/2023/TB-PT ngày 06-02-2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Xuân T**; sinh năm 1960

Địa chỉ: Số B Thôn C, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:**

Bà **Lê Thị C**; sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H xã HN, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Ông **Vũ Quốc C**; sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn T xã HB, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T.

*(Ông T có mặt tại phiên toà; ông C, bà C vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, ông T trình bày:* Vào ngày 10/7/2020 ông ký hợp đồng giao khoán vườn cây với ông C đối với diện tích 11.742 m<sup>2</sup> đất vườn cà phê của tại thôn 10 xã Liên Đàm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng (Khu vực Tin Cô) đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hai vợ chồng ông C và bà C. Khi giao khoán có làm giấy ngày 10/7/2020. Theo nội dung thỏa thuận, hàng năm bà C và ông C có trách nhiệm trả khoán bằng cà phê cho ông T là 1.200kg cà phê nhân. Ông T xác định thời điểm giao khoán thì ông C và bà C vẫn bà C sống với nhau. Việc ông C bà C sống bà C không đăng ký kết hôn thì ông không biết. Sau khi giao khoán vườn cây thì ông T có bán phân bón, cho vay tiền để ông C đầu tư làm vườn đã nhận khoán. Đến ngày 24/7/2021 thì ông T và ông C cùng đối chiếu chốt lại số tiền nợ do vay mượn mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chưa thanh toán là 69.627.000 đồng (do thời gian đã lâu, ông không tách ra được số tiền nợ do mua bán và nợ do vay mượn) và nợ sản lượng cà phê chưa giao trả theo hợp đồng giao khoán vườn cây là 900kg. Đồng thời, thỏa thuận đến ngày 31/12/2021 sẽ thanh toán. Tuy nhiên, ông C bà C vẫn không thực hiện. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông C và bà C cùng có trách nhiệm trả cho ông 69.627.000 đồng tiền gốc và 15.828.000 đồng tiền lãi, tổng bà C số tiền yêu cầu là 85.455.000 đồng và 900kg cà phê nhân. Đồng thời ngày 03/8/2022, ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020 giữa ông Nguyễn Xuân T và ông Vũ Quốc C. Ông đã lấy lại vườn cây đã giao khoán từ tháng 02/2021, hiện nay ông đang quản lý. Đối với yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giao khoán lô cà phê này thì ông không có yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng, mặc dù đã được cán bộ Tòa án giải thích. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy ghi nợ viết tay, trên giấy kẻ ô ly. Cuối tài liệu có chữ ký ghi tên Vũ Quốc C.

*Đồng bị đơn ông C trình bày:* Việc ông nhận khoán vườn của ông T từ ngày 10/7/2020 thì thời điểm này ông không còn bà C sống với bà C, ông ký hợp đồng giao khoán này với tư cách cá nhân. Nên trách nhiệm trả nợ nếu có là của ông, không liên quan tới bà C. Đối với số tiền đã đầu tư vào diện tích đất nhận khoán niên vụ 2021-2022 cụ thể hết 48.000.000 đồng chưa được thu hái cà

phê thì ông T đã thu hồi diện tích đất và cà phê nên nay đề nghị ông T phải khấu trừ số tiền 48.000.000 đồng này vào số tiền ông T đang kiện đòi. Số còn lại xin trả dần đến hết, vì hiện nay ông rất khó khăn. Ông không có ý kiến yêu cầu gì về việc thanh lý hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020. Tài liệu chứng cứ là, một Hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020 giữa ông Nguyễn Xuân T và ông Vũ Quốc C. Tài liệu; một giấy mua bán phân bón giữa ông Vũ Quốc C và ông Vũ Xuân Dăm, ghi ngày 18/3/2021.

*Đồng bị đơn bà C trình bày:* Nội dung ông C nhận giao khoán vườn cà phê của ông T như thế nào thì bà không biết, bà không tham gia vì thời điểm này bà không còn ở bà C với ông C (chỉ ở bà C với nhau được hơn 2 năm, không đăng ký kết hôn). Việc nhận khoán vườn là việc riêng, làm ăn riêng của ông C nên nếu có việc mua bán, vay tiền hay nợ sản lượng gì thì đó là việc riêng của ông C và ông T, không liên quan đến bà. Nay ông T yêu bà và ông C trả số tiền 85.455.000 đồng và 900kg cà phê nhân. Thì bà không đồng ý vì bà không mua bán, vay tiền, không nhận khoán vườn của ông T. Ông C vay mượn, mua bán, nợ khoán thì ông C có trách nhiệm thanh toán. Về tài liệu chứng cứ thì bà không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì, không đề nghị Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ gì, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự, người tham gia tố tụng nào khác.

Ngày 22/8/2022 ông C có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày hiện nay ông đang đi làm ăn xa ở Đắk Lắk, về nội dung khởi kiện của ông T thì ông đồng ý hủy bỏ Hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020 giữa ông Nguyễn Xuân T và ông, hiện nay vườn cây ông đã trả lại cho ông T rồi, ông không có yêu cầu gì khác; trong quá trình làm việc trước đây ông có yêu cầu ông T trả lại cho ông số tiền 48.000.000 đồng là tiền ông đã đầu tư vào vườn cây. Nay do chứng cứ của ông không rõ ràng nên ông không yêu cầu khấu trừ 48.000.000 đồng này vào số tiền đang nợ ông T. Ông đồng ý một mình ông sẽ có trách nhiệm trả cả gốc và lãi cùng với 900kg cà phê đang nợ của ông T, số nợ này không liên quan đến bà C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 60/2022/DS-ST ngày 09/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Phần yêu cầu được chấp nhận là:

- Ông Vũ Quốc C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc 69.627.000 đồng và 23.038.000 đồng tiền lãi. Tổng bà C số tiền phải trả là 92.665.000 đồng.

- Hủy bỏ Hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020 giữa ông Nguyễn Xuân T và ông Vũ Quốc C. Ngày hủy bỏ của hợp đồng này là từ tháng 02 năm 2021.

- Ông Vũ Quốc C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T 900kg cà phê nhân Robusta 1,5% tạm chất, 15% độ ẩm.

Phần yêu cầu không được chấp nhận là:

- Yêu cầu ông Vũ Quốc C và bà Lê Thị Bà C có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 92.665.000 đồng và 900kg cà phê nhân Robusta 1,5% tạm chất, 15% độ ẩm.

## 2. Về án phí:

- Ông Vũ Quốc C phải chịu 7.111.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 20-9-2022 ông Nguyễn Xuân Thuỷ có đơn kháng cáo yêu cầu buộc ông Vũ Quốc C và bà Lê Thị Bà C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông số tiền 92.665.000 đồng và 900kg cà phê nhân Robusta.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 10/7/2020 ông T ký hợp đồng giao khoán với ông C đối với diện tích 11.742 m<sup>2</sup> đất vườn cà phê tại thôn 10 xã Liên Đàm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông C vi phạm nghĩa vụ giao khoán là không trả đủ sản lượng như thỏa thuận, ngoài ra ông T yêu cầu ông C, bà C trả tiền nợ vay và mua phân bón còn thiếu, bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; hợp đồng vay tài*

*sản; yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giao khoán và trả sản lượng nhận khoán ” là có căn cứ và đúng pháp luật.*

[2] Xét kháng cáo của ông Thuỷ yêu cầu buộc ông C và bà C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ tiền và cà phê cho ông thì thấy rằng:

Đối với hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020, theo hồ sơ thể hiện việc ông T giao khoán và ông C nhận khoán đối với diện tích 11.742 m<sup>2</sup> đất vườn cà phê tại thôn 10 xã Liên Đàm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là có thật. Theo nội dung của hợp đồng trong phần “B bên nhận khoán” của hợp đồng giao khoán có ghi tên bà Lê Thị Bà C là người cùng ông C nhận khoán vườn cây, tuy nhiên chỉ có một mình ông C ký tên xác nhận vào hợp đồng. Ngoài ra cả ông C và bà C đều khai nhận, việc nhận khoán vườn cà phê là việc riêng làm ăn của ông C vì tại thời điểm này ông C, bà C không phải là vợ chồng hợp pháp, không đăng ký kết hôn, ông bà chỉ qua lại, đang trong quá trình tìm hiểu nhau. Trong quá trình giải quyết ông T không chứng minh được nghĩa vụ của bà C đối với hợp đồng giao khoán này nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định người tham gia nhận khoán lô cà phê là ông C và ông C là người phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng giao khoán. Do đó ông C phải có nghĩa vụ hoàn trả sản lượng giao khoán còn thiếu cho ông T 900kg cà phê nhân Robusta 15% độ ẩm, 1,5% tạp chất là phù hợp.

Đối với khoản tiền nợ do mua bán và vay mượn: Theo tài liệu là giấy ghi nợ do ông T cung cấp chỉ có ông C ký tên xác nhận nợ số tiền 67.275.000 đồng và 2.352.000 đồng nợ do mua thuốc diệt cỏ. Bà C không thừa nhận có việc vay tiền hay mua nợ vật tư nông nghiệp của ông T, ông T không chứng minh được việc bà C có nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ vay và nợ do mua bán này. Theo văn bản trình bày ý kiến mà ông C đã nộp cho Tòa ngày 22/8/2022 thì ông xác định các khoản nợ này là do ông vay mượn, mua bán riêng với ông T, không liên quan đến bà C và ông đồng ý thanh toán cho ông T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông C phải trả tiền gốc là 69.627.000 đồng (tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại ghi **69.275.000** đồng là không chính xác nên điều chỉnh lại cho đúng) và lãi là 23.038.000 đồng cho ông T là có căn cứ.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn án phí, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho ông Thuỷ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

\* Phần yêu cầu được chấp nhận là:

- Ông Vũ Quốc C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc 69.627.000 đồng và 23.038.000 đồng tiền lãi. Tổng bà C số tiền phải trả là 92.665.000 đồng (*Chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Hủy bỏ Hợp đồng giao khoán lô cà phê ngày 10/7/2020 giữa ông Nguyễn Xuân T và ông Vũ Quốc C. Ngày hủy bỏ của hợp đồng này là từ tháng 02 năm 2021.

- Ông Vũ Quốc C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T 900kg (*Chín trăm kilogram*) cà phê nhân Robusta 1,5% tạm chất, 15% độ ẩm.

\* Phần yêu cầu không được chấp nhận là:

- Yêu cầu ông Vũ Quốc C và bà Lê Thị Bà C có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 92.665.000 đồng (*Chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) và 900kg (*Chín trăm kilogram*) cà phê nhân Robusta 1,5% tạm chất, 15% độ ẩm.

2. Về án phí:

- Ông Vũ Quốc C phải chịu 7.111.250 đồng (*Bảy triệu một trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí cho ông Nguyễn Xuân T.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Di Linh (02);
- VKSND H. Di Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (4);
- Lưu AV – HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**